

Chính sách kinh tế của Nhật Bản và tác động của nó đến Việt Nam

Kim Ngọc¹, Hà Thị Thúy², Trần Thị Ánh³

¹ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: kimngoc_vapac@yahoo.com

² Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang.

Email: thuyha1970hh@gmail.com

³ Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Nhận ngày 20 tháng 4 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 3 tháng 5 năm 2017.

Tóm tắt: Sau gần hai thập kỷ kinh tế trì trệ, Nhật Bản phải cần đến một liều thuốc mạnh mẽ và hiệu quả nhằm điều trị triệt để căn bệnh trầm kha của nền kinh tế. Vào cuối năm 2012, sau khi lên nhậm chức Thủ tướng thứ 96 của Nhật Bản, Shinzo Abe đã trình bày trước Quốc hội chính sách kinh tế “ba mũi tên” (chính sách kinh tế giai đoạn 1 - Abenomics 1.0), gồm: chính sách tiền tệ mạnh mẽ; chính sách tài khóa linh hoạt và chính sách tăng trưởng khuyến khích đầu tư tư nhân, nhằm đưa nền kinh tế thứ ba thế giới thoát khỏi trì trệ, suy thoái. Thời gian gần đây, mũi tên thứ ba và các chính sách kinh tế phiên bản mới (chính sách kinh tế giai đoạn 2 - Abenomics 2.0) bổ sung cho mũi tên này được Chính phủ Nhật Bản tiếp tục đưa ra nhằm tạo đà cho kinh tế nước này phát triển vững chắc đã mang lại nhiều kỳ vọng cho giới doanh nghiệp và người dân Nhật Bản.

Từ khóa: Chính sách kinh tế Abenomics, Nhật Bản, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: After nearly two decades of economic stagnation, Japan was in need of a strong and efficient dose of medicine to treat the chronic disease of its economy in a radical manner. In late 2012, having sworn in as the country's 96th Prime Minister, Shinzo Abe presented to the Japanese Parliament on the “three-arrow” economic policy, or stage one of his economic policy - Abenomics 1.0, which included a bold monetary policy, a flexible fiscal policy, and a growth policy that encourages private-sector investment. Abenomics 1.0 was aimed at taking the world's 3rd largest economy to get out of stagnation and recession. Recently, the third arrow and the new version of the economic policy, or Abenomics 2.0, to supplement the arrow, have been introduced by the Japanese government to give an impulse to the economy. The country's business community and people have been holding high expectations of them.

Keywords: Abenomics economic policy, Japan, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Giới thiệu

Nhật Bản là quốc gia có nền kinh tế đứng thứ ba trên thế giới. Tuy nhiên, nền kinh tế này luôn chìm trong tình trạng trì trệ trong suốt 20 năm qua. Để vực dậy nền kinh tế, Thủ tướng Shinzo Abe đã ban hành chính sách kinh tế Abenomics (có nghĩa là kinh tế học của Thủ tướng Abe, được ghép từ Abe và economics). Bên cạnh những tác động rõ ràng đối với kinh tế Nhật Bản, chính sách kinh tế Abenomics còn tạo được những ảnh hưởng tích cực đến quan hệ kinh tế giữa Nhật Bản với các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam - một địa bàn có tầm quan trọng đặc biệt trong chính sách đối ngoại, kinh tế, an ninh và chính trị của Nhật Bản. Bài viết này phân tích chính sách kinh tế Abenomics và tác động của nó đến kinh tế Việt Nam.

2. Chính sách kinh tế Abenomics 1.0

2.1. Sử dụng ngân sách linh hoạt

Theo chính sách đó, Chính phủ Nhật Bản sẽ tập trung vốn cho các công trình công cộng khổng lồ dù nguồn ngân sách hạn chế. Trung tuần tháng 5/2013, Nhật Bản đã thông qua khoản ngân sách 92.610 tỷ yên (JPY) (khoảng 777 tỷ USD) cho tài khóa 2013 nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đây là lần đầu trong 20 năm qua, khoản ngân sách của Nhật Bản được kích hoạt vào tháng 5. Trong đó, ngân sách cho các dự án công ích tăng lên mức 5.290 tỷ JPY (47 tỷ USD), tăng 15,6% so với năm trước. Chính phủ cũng dành 4.390 tỷ JPY (37 tỷ USD) dưới dạng ngân sách đặc biệt nhằm đẩy nhanh tiến độ tái thiết sau thảm họa kép động đất, sóng thần hồi tháng 3/2011, tăng

16,1% so với ngân sách ban đầu năm 2012 dành cho kế hoạch này. Chính phủ hy vọng, nhờ khoản ngân sách khổng lồ trên, cùng với ngân sách bổ sung 13.100 tỷ JPY (19 tỷ USD) cho tài khóa 2012 cấp cho các gói kích thích mà Quốc hội đã thông qua hồi đầu năm 2012, kinh tế Nhật Bản sẽ có sự bứt phá ngoạn mục.

2.2. Duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ

Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) quyết định duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ với đồng yên yếu. Đây là điểm cốt lõi trong chính sách Abenomics của Thủ tướng Abe nhằm chấm dứt tình trạng giảm phát của nền kinh tế Nhật Bản. BOJ nhất trí tăng cơ sở tiền tệ lưu thông trên thị trường với tốc độ hàng năm khoảng từ 583 tỷ USD đến 680 tỷ USD. Chính sách này sẽ được triển khai kết hợp cùng các biện pháp tài chính khác nhằm mục tiêu lạm phát ở mức 2% thông qua tăng cường mua trái phiếu chính phủ và các tài sản tài chính có sự rủi ro hơn như các quỹ đầu tư tín thác.

2.3. Đầu tư cho khu vực kinh tế tư nhân và hoạt động của khối doanh nghiệp

Chính phủ Nhật Bản cam kết sẽ nỗ lực thúc đẩy đầu tư cho khu vực kinh tế tư nhân và hoạt động của khối doanh nghiệp. Thủ tướng Shinzo Abe đã cam kết lập các đặc khu kinh tế và nhấn mạnh vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nói chung. Cam kết đó gồm: tăng tổng vốn đầu tư cho doanh nghiệp thêm 10% lên mức khoảng 70.000 tỷ JPY (57 tỷ USD) đến năm 2016; tăng tổng thu nhập bình quân đầu người (hiện ở mức khoảng 330 USD) thêm hơn 130 USD nữa

trong 10 năm tới... Ngoài ra, Chính phủ đặt mục tiêu tới năm 2020 tăng gấp ba lần kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng lên 30.000 tỷ JPY (25 tỷ USD) và tăng gấp hai lần kim ngạch xuất khẩu nông phẩm và thực phẩm lên 1.000 tỷ JPY (8,5 tỷ USD).

Chính sách tiền tệ mạnh mẽ chính sách tài khóa linh hoạt và chính sách tăng trưởng khuyến khích đầu tư tư nhân là chính sách kinh tế “ba mũi tên” giai đoạn 1 (Abenomics 1.0), nhằm đưa nền kinh tế thứ ba thế giới thoát khỏi trì trệ, suy thoái. Chính phủ Nhật Bản đặt nhiều niềm tin vào chính sách Abenomics 1.0 với hy vọng rằng, chính sách kinh tế này sẽ góp phần đắc lực trong việc thúc đẩy nền kinh tế của đất nước phục hồi một cách vững chắc. Tuy nhiên, mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp kích thích tăng trưởng kinh tế, nhưng tới nay chính sách này chưa đem lại nhiều kết quả như kỳ vọng. Các chỉ số tăng trưởng kinh tế không mấy khả quan cho thấy, nền kinh tế lớn thứ ba thế giới vẫn bị ám ảnh bởi tình trạng trì trệ kéo dài, thách thức tính hiệu quả trung và dài hạn của Abenomics.

3. Chính sách kinh tế Abenomics 2.0

Sau khi tái đắc cử vào cuối năm 2014, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe tiếp tục công bố chính sách kinh tế Abenomics giai đoạn 2 (Abenomics 2.0) với những mục tiêu tham vọng hơn và dài hạn hơn, nhằm đem lại hi vọng, giấc mơ và sự yên tâm cho người dân. Trong giai đoạn này, Chính phủ quyết tâm thực hiện ba mũi tên mới trong chính sách Abenomics 2.0.

3.1. Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP)

Thủ tướng Abe mong muốn thúc đẩy tăng GDP lên 600.000 tỷ JPY (5.000 tỷ USD) so với con số GDP 490.000 tỷ JPY (4.800 tỷ USD) của Nhật Bản trong năm tài khóa 2014. BOJ đã quyết định duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ với đồng yên yếu hiện nay. Chính phủ tiếp tục thực hiện chương trình kích thích kinh tế trị giá 80.000 tỷ JPY (665 tỷ USD) do xu hướng giảm phát của nền kinh tế Nhật Bản vẫn gia tăng.

3.2. Tăng cường các biện pháp hỗ trợ nuôi và sinh con

Mục tiêu này được giải thích là do tình trạng lão hoá và dân số giảm. Thủ tướng Abe cam kết hỗ trợ tài chính cho các gia đình và đề ra mục tiêu tăng tỷ lệ sinh lên mức bình quân từ 1,4 lên 1,8 trẻ/bà mẹ. Đồng thời, cam kết duy trì dân số luôn ở mức 100 triệu dân từ nay đến năm 2065.

3.3. Cải thiện an sinh xã hội

Nhật Bản là cường quốc của những người già và chính cơ cấu dân số già với tỷ lệ sinh thấp đã và đang là gánh nặng đặt lên vai nền kinh tế. Tỷ lệ sinh thấp có một phần nguyên nhân do xu hướng xã hội, nhưng dân số già cũng kéo theo rất nhiều hệ lụy. Hàng nghìn người trong độ tuổi lao động bỏ việc để chăm sóc cha mẹ già, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ít nhân công. Vì vậy, Abenomics 2.0 là “quân bài” đầy hi vọng của Thủ tướng Abe, nhấn mạnh mục tiêu kinh tế gắn chặt hơn với vấn đề an sinh xã hội cùng mong muốn sẽ đưa Nhật

Bản vào một thời kỳ phát triển mà chất lượng cuộc sống được ưu tiên hàng đầu.

Trong 5 năm tới, Nhật Bản sẽ xây dựng thêm nhiều nhà dưỡng lão để giảm bớt gánh nặng cho lao động trẻ, giúp họ yên tâm làm việc, giảm được hàng chục nghìn lao động của con cái phải ở nhà chăm sóc cho cha mẹ già. Quốc hội Nhật Bản đã thông qua ngân sách kỷ lục khoảng 852 tỷ USD cho năm tài khóa 2016, chú trọng giải quyết vấn đề tỷ lệ sinh giảm và sự già hóa dân số.

Mục đích chủ yếu của chính sách Abenomics 2.0 là nhằm vực dậy nền kinh tế Nhật Bản như nó đã vốn có trước đây, cụ thể là chuyển việc cải thiện tình trạng giảm phát do thiếu nhu cầu (đã thực hiện trong giai đoạn 1 của Abenomics) sang việc tạo ra chính sách mới nhằm vượt qua “cửa ải” giảm dân số trầm trọng trong thời gian qua. Nhật Bản vừa duy trì thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, vừa thông qua quá trình đầu tư một cách có hiệu quả nhất và năng suất nhất trong môi trường đầu tư cạnh tranh nhằm phát huy tiềm năng của mỗi cá nhân và từng địa phương.

Ba mũi tên mới của Abenomics 2.0 là sự khác biệt lớn trong chính sách kinh tế của Nhật Bản so với trước đây, vì nó nhấn mạnh mục tiêu kinh tế gắn bó chặt chẽ hơn với vấn đề an sinh xã hội.

4. Tác động của chính sách Abenomics tới kinh tế Việt Nam

4.1. Tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam

Theo các chuyên gia kinh tế, đồng yên yếu dẫn đến nhu cầu nhập khẩu của Nhật Bản giảm và hàng xuất khẩu của Nhật Bản có lợi thế cạnh tranh tốt hơn nhờ giá rẻ. Những nước và lãnh thổ bị thiệt hại nặng nhất là

Hàn Quốc, Philippines và Đài Loan. Tuy nhiên, với Việt Nam, ảnh hưởng này ít hơn nhiều, thậm chí còn có lợi nếu Việt Nam biết tận dụng. Năm 2013, JPY mất giá 17% so với USD, Việt Nam xuất siêu với Nhật Bản gần 2 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 13,65 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 11,61 tỷ USD. Năm 2014, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản đạt trên 14,70 tỷ USD, tăng 7,7% so với năm 2013. Năm 2016, kim ngạch thương mại song phương đạt khoảng 30 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 15 tỷ USD, tăng gần 3% so với năm 2015.

Nhiều doanh nghiệp (DN) Việt Nam sử dụng vốn vay bằng JPY cũng đang được hưởng lợi đáng kể từ việc tăng giá của Việt Nam đồng (VND) so với ngoại tệ này. Không chỉ DN vay nợ bằng JPY, mà những DN nhập khẩu nguyên liệu từ Nhật Bản hoặc các công ty thương mại làm ăn với các đối tác Nhật Bản cũng được hưởng lợi, đặc biệt trong những năm gần đây. Để giảm sự lệ thuộc vào USD cũng như những rủi ro từ tỷ giá bấp bênh, nhiều doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản có quan hệ làm ăn với nhau thường dùng JPY để thanh toán. Theo đó, chính sách JPY yếu đã mang lại lợi nhuận đáng kể. Ngoài ra, DN Nhật Bản đang làm ăn tại Việt Nam cũng được hưởng lợi do tránh được ảnh hưởng trực tiếp từ Abenomics. Theo khảo sát của Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), hiện nay, 60% DN Nhật Bản tại Việt Nam đang kinh doanh có lãi, 70% trong số này đang có kế hoạch mở rộng quy mô.

4.2. Tăng đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam

Thứ nhất, do JPY yếu nên, các doanh nghiệp Nhật Bản quan tâm nhiều hơn tới đầu tư vào các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Năm 2013, đầu tư trực tiếp

nước ngoài (FDI) của Nhật Bản vào Đông Nam Á đạt kỷ lục, tăng 2,2 lần so với năm 2012 và gấp hơn 2,5 lần so với đầu tư vào Trung Quốc (trong đó, thứ nhất là Thái Lan; thứ hai là Indonesia; thứ ba là Singapore và thứ tư là Việt Nam). Tính đến hết năm 2016, Nhật Bản có hơn 3.200 dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 42 tỷ USD, chiếm 15% tổng FDI vào Việt Nam. Nhiều dự án của Nhật Bản đã hoàn thành và đưa vào khai thác rất hiệu quả, đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Thứ hai, theo đánh giá của Kohei Yanase, Phó Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản, hiện nay trong khu vực Châu Á, các doanh nghiệp Nhật Bản đang thực hiện chính sách “Trung Quốc + 1” (China plus One) để tránh rủi ro trong kinh doanh và họ đã quyết định chọn Việt Nam là điểm đến đầu tư. Một trong những lý do khiến các doanh nghiệp Nhật Bản quan tâm đến Việt Nam vẫn là nguồn nhân công tương đối rẻ so với các nước khác. Hơn nữa về mặt địa lý, các doanh nghiệp sản xuất tại các nhà máy ở Việt Nam sẽ dễ dàng kết nối với mạng lưới sản phẩm và hàng hoá với các bộ phận sản xuất ở Trung Quốc nhờ cự ly gần hơn so với các nước khác.

Thứ ba, đối với các doanh nghiệp Nhật Bản, tác động rõ nhất của Abenomics được thể hiện qua Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Quy mô của RCEP khá rộng, ở đó có sự tham gia của Trung Quốc ở phía đông, Ấn Độ ở phía tây và ASEAN ở phía nam. Trong hành lang kinh tế rộng lớn gồm Trung Quốc, Ấn Độ và ASEAN này, Abenomics đã có một tác động tích cực; đó là tạo ra động lực lớn cho các doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư sản xuất và thiết bị cho thị trường này, khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu hạ tầng ra nước ngoài, cung cấp nguồn tài chính khổng lồ cho các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư ra

nước ngoài, trong đó Việt Nam là điểm đến đầu tư được Nhật Bản đặc biệt coi trọng. Chính phủ Nhật Bản đã đề ra kế hoạch đến năm 2020 sẽ đầu tư khoảng 30.000 tỷ JPY (25 tỷ USD) cho cơ sở hạ tầng ở nước ngoài. Các doanh nghiệp Nhật Bản thời gian gần đây cũng đầu tư một phần của dự án đường sắt ở Tp. Hồ Chí Minh, dự án cấp nước sạch với công nghệ hiện đại ở Hải Phòng, Hà Nội và Đà Nẵng.

Thứ tư, Nhật Bản là nước cung cấp vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) lớn nhất cho Việt Nam, chiếm khoảng 30% tổng cam kết ODA của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam. Nếu Việt Nam phải thanh toán những khoản nợ đáo hạn trong giai đoạn này, với tỷ giá JPY hiện nay, Việt Nam sẽ tiết kiệm được một khoản đáng kể cho ngân sách quốc gia.

4.3. Thúc đẩy hợp tác du lịch, đào tạo nguồn nhân lực

Chính phủ Nhật Bản hiện đang thực hiện các biện pháp nới lỏng các quy định cấp thị thực cho 10 nước ASEAN. Nhờ đó, khách du lịch nước ngoài đến Nhật Bản đạt mức cao kỷ lục, 10 triệu người trong năm 2013. Trong đó, lượng khách du lịch Việt Nam tăng gấp 5 lần so với 10 năm trước đây. Năm 2013, lượng du khách Việt Nam sang Nhật Bản đạt hơn 85.000 lượt người. Trong năm 2016, gần 700.000 lượt du khách Nhật Bản sang thăm Việt Nam, trong khi số du khách Việt Nam thăm Nhật Bản vượt qua con số 200.000 người. Ngày càng có nhiều người Nhật Bản học tiếng Việt, tìm đến Việt Nam để tìm hiểu những nét đẹp của con người và đất nước nơi đây. Sự tương đồng về văn hóa, tính cách thân thiện đã tạo thành một mối liên kết tự nhiên giữa người Việt Nam với người Nhật Bản. Sự chân tình, cởi mở, thân thiện là một trong những

yếu tố đưa Việt Nam và Nhật Bản trở thành những điểm đến du lịch yêu thích của nhau.

Chính phủ Nhật Bản hiện cũng đang xem xét nới lỏng các điều kiện cấp visa cho Việt Nam nhằm đạt được mục tiêu tăng lượng du khách đến Nhật Bản lên tới 20 triệu người vào năm 2020. Nhật Bản hiện cũng có chủ trương tiếp nhận người lao động Việt Nam sang Nhật Bản làm việc, đồng thời mở rộng các lĩnh vực cần tới thực tập sinh Việt Nam, tăng số lượng thực tập sinh và kéo dài thêm thời gian làm việc cho người lao động Việt Nam tại Nhật Bản. Hiện nay, Việt Nam có tỷ lệ tăng tu nghiệp sinh kỹ thuật và du học sinh cao nhất tại Nhật Bản. Theo Bộ Tư pháp Nhật Bản, năm 2016, Việt Nam có 58.820 du học sinh và 71.983 tu nghiệp sinh kỹ thuật học tập và làm việc tại Nhật Bản. Sự phát triển mạnh trong giao lưu thương mại, văn hóa và du lịch đã làm bùng nổ nhu cầu đi lại giữa hai nước, đưa Việt Nam và Nhật Bản trở thành các thị trường hàng không trọng điểm của nhau với tần suất các chuyến bay thẳng lên tới hàng chục chuyến mỗi tuần.

Trong thời gian gần đây, một số tập đoàn sản xuất lớn đang tiếp nhận rất nhiều thực tập sinh từ Việt Nam sang làm việc tại Nhật Bản. Một số doanh nghiệp Nhật Bản cũng đưa người lao động tại các nhà máy của Việt Nam sang làm việc tại các đơn vị sản xuất ngay trên đất Nhật Bản. Xu hướng này đang ngày càng gia tăng.

5. Kết luận

Chính sách kinh tế Abenomics đang mang lại kết quả tích cực. Sự cải thiện trong tỷ lệ tăng trưởng kinh tế Nhật Bản là một thước đo về tính hiệu quả của Abenomics. Nếu như trong năm 2014, năm đầu thực hiện

Abenomics 2.0, nền kinh tế Nhật Bản chỉ có một quý đạt mức tăng trưởng dương thì trong năm 2015 Nhật Bản đã có ba quý tăng trưởng dương và đạt được mức tăng trưởng dương trong cả năm 2016. Theo công bố của Văn phòng Nội các Nhật Bản, hai quý đầu năm 2016, GDP Nhật Bản đạt mức tăng trưởng là 0,5% và 0,2%; quý 3, kinh tế Nhật Bản vẫn tiếp tục đà tăng trưởng và GDP tăng 2,2%. Vào những tháng cuối năm 2016 kinh tế Nhật Bản vẫn có mức tăng trưởng khả quan do JPY giảm giá mạnh, kinh tế toàn cầu cải thiện thúc đẩy niềm tin vào triển vọng phục hồi mạnh mẽ hơn của nền kinh tế Nhật Bản. Báo cáo đánh giá thực trạng tăng trưởng của nền kinh tế do Chính phủ Nhật Bản thực hiện vào cuối năm 2016 cho thấy, nền kinh tế Nhật Bản đang có dấu hiệu phục hồi, đồng thời triển vọng xuất khẩu và chi tiêu hộ gia đình khá lạc quan. Theo dự báo của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ), GDP của Nhật Bản sẽ đạt mức tăng trưởng từ 1% đến 1,5% trong năm tài chính 2017.

Mặc dù vậy, nhiều người vẫn còn chưa cảm nhận được và luôn tỏ ra hoài nghi về tính hiệu quả của chính sách kinh tế Abenomics. Con đường tới thành công của Abenomics gồm chấn hưng kinh tế và cải thiện hệ thống an sinh xã hội vẫn còn không ít chông gai (như vấn đề kết hợp chính sách tài chính và tăng trưởng kinh tế; tăng thuế tiêu dùng từ 8% lên 10% năm 2017...). Điều đó, đòi hỏi Thủ tướng Abe phải cam kết sẽ tiếp tục tăng cường theo đuổi chiến lược tăng trưởng thông qua việc thúc đẩy chương trình cải cách, cam kết sẽ có thêm nhiều phụ nữ gia nhập lực lượng lao động, bãi bỏ quy định không hợp lý trong ngành công

ngành, tự do hóa khu vực nông nghiệp và chuẩn bị để thích ứng với Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Nhật Bản là nước đầu tiên trong các nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7) thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam và hiện là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Triển vọng phát triển dài hạn của nền kinh tế lớn thứ ba thế giới và Tuyên bố chung Việt Nam - Nhật Bản về thiết lập quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á được thực hiện cùng với chính sách kinh tế Abenomics, chắc chắn có tác động tích cực tới kinh tế Việt Nam. Chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Shinzo Abe tháng 1/2017 và tiếp theo của Nhà vua và Hoàng hậu Nhật Bản vào tháng 3/2017 tiếp tục thắt chặt mối quan hệ đối tác đặc biệt, sâu rộng, hiệu quả giữa hai nước, mở ra một trang mới đầy triển vọng về hợp tác giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Ngoại giao (2017), *Tài liệu cơ bản về quan hệ Việt Nam - Nhật Bản*, Hà Nội.
- [2] Kim Ngọc (2005), *Triển vọng kinh tế thế giới 2020*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [3] Shizimu Junko & S. Kiyotaka (2015), *Abenomics, Yen Depreciation, Trade Deficit and Export Competitiveness*, Rieti Discussion Paper Series 15-E-020, Tokyo, Japan.
- [4] Naoyuki Yoshino and Farhad Taghizadeh-Hesary (2014), *Three Arrows of "Abenomics" and the Structural Reform of Japan: Inflation Targeting Policy of the Central Bank, Fiscal Consolidation, and Growth Strategy*, ADBI Working Paper Series, Tokyo, Japan.
- [5] "Abe's master plan", *The Economist*, 18 May 2013.
- [6] "Japan and Abenomics: Taxing times", *The Economist*, 5 October 2013.
- [7] http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cn_vakv/ca_tbd/nr040818111106/ns140708192556
- [8] <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Doi-ngoai/860460/trien-vong-moi-trong-quan-he-viet-nam---nhat-ban>
- [9] <http://www.tienphong.vn/xa-hoi/chuyen-tham-cua-vua-va-hoang-hau-nhat-la-dau-moc-lich-su-1124919.tpo>
- [10] <http://www.tienphong.vn/xa-hoi/quan-he-viet-nam-nhat-ban-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-1125037.tpo>
- [11] http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cn_vakv/ca_tbd/nr040818111106/ns140708192556

